TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 6 – 2020
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thanh Nhanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn L.**

2. Ông **Trần Thanh Răng**.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Yến –** Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Mộng Lý** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc H.**

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Lê Thanh L.**

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Vào năm 1991, bà H với ông Lê Thanh L tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông, bà sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Ông, bà không còn sống chung với nhau từ năm 2018. Nay bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông L.

Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1992 và Lê Thanh D, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1997. Các con hiện nay chung sống với ông, bà; các con đã trưởng thành và tự lao động nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Thanh L trình bày:

Ông L thống nhất với lời trình bày của bà H về: Thời gian ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không còn hạnh phúc và không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Ông L cũng yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa ông với bà H là vợ chồng.

Về con chung là Lê Ngọc Q và Lê Thanh D đều trưởng thành, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông với bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng với bị đơn, do bị đơn cư trú ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên đây là vụ án ly hôn và việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các đương sự đều đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét

xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L đều cho rằng ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ông, bà cư trú. Bà H và ông L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì ông, bà thường xuyên cãi nhau và phát sinh mâu thuẫn nên ông, bà không còn chung sống với nhau từ năm 2018. Ông, bà đều yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa ông, bà là vợ chồng.

Bà H đã cung cấp cho Tòa án đơn xin xác nhận không đăng ký kết hôn, theo đó thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ông, bà cư trú đã xác nhận là ông, bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan này, như vậy có cơ sở xác định là bà H và ông L không đăng ký kết hôn là đúng sự thật.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng" và theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật này quy định thì: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…". Bà H và ông L chung sống với nhau như vợ chồng, tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn, theo như quy định trên đây thì nay bà H yêu cầu ly hôn với ông L, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà H và ông L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông L đều cho rằng ông, bà có 02 con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1992 và Lê Thanh D, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1997. Hiện nay các con đang chung sống với ông, bà và đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà H và ông L thống nhất với nhau là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Ngọc H và ông Lê Thanh L là vợ chồng.

2. Về con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1992 và Lê Thanh D, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1997, đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất với nhau là không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002343 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Bà H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn L **Trần Thanh Răng** **Cao Thanh Nhanh**